TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS - ST
Ngày: 14 - 6 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh và ông Nguyễn Tiến Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/TLST - HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST - HS, ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với:

Bị cáo Đặng Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn O và bà Hà Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nghiêm Đức Huy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại:*

Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, TP Hà Nội. Có mặt.

Anh Vũ Ngọc T2, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, TP Hà Nội. Vắng mặt

Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, TP Hà Nội. Vắng mặt

Anh Vũ Quốc T4, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện P, TP Hà Nội. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, xã V2, huyện T5, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T, sinh năm 1996 ở thôn Q, xã V, huyện B, Lạng Sơn làm mộc thuê tại địa bàn xã N, huyện P từ năm 2008 và có thời gian làm thêu cho nhà Vũ Văn T1, sinh năm 1970 ở thôn C, xã N từ tháng 02/2018 đến tháng 10/2018 thì nghỉ.

Khoảng 23 giờ ngày 16/01/ 2019, Đặng Văn T và thanh niên tên T6 (Đặng Văn T chỉ biết người này ở huyện P) chơi điện tử với nhau tại quán nhà anh L ở thôn Đ, xã V2, huyện T5, Thành phố Hà Nội. Tại đây T6 (P) rủ Đặng Văn T đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài. Đặng Văn T đồng ý rồi cả hai chở nhau bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng của T6 (P) đến thôn C, xã N thì phát hiện tại sân nhà anh Vũ Văn T1 có dựng một chiếc xe máy điện màu xanh BKS: 29 MD4 - 00180 vẫn cắm chìa ở ổ khóa điện. Thấy vậy, T6 (P) trèo qua cổng vào trong sân mở cửa ngõ dắt chiếc xe máy điện ra, còn Đặng Văn T đứng ngoài canh gác. Sau khi lấy trộm được chiếc xe máy điện, T6 (P) đi chiếc xe máy điện, còn Đặng Văn T đi chiếc xe máy Wave về và hẹn hôm sau cùng mang đi tiêu thụ. Đến 07 giờ ngày 17/01/2019, cả hai gặp nhau tại trước cổng trường Cơ Điện thuộc địa phận thôn Đ, xã V2, huyện T5, TP Hà Nội. T6 (P) đưa chiếc xe máy điện cho Đặng Văn T để đi tiêu thụ, còn Đặng Văn T trả lại T6 (P) chiếc xe máy Wave. Đặng Văn T mang chiếc xe máy điện đến cầm cố cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993 ở thôn Đ, xã V2, T5, TP Hà Nội vay số tiền 2.000.000 đồng, anh Tuấn A đưa cho T 1.700.000 đồng và cắt lãi trước 300.000 đồng. Đặng Văn T cầm số tiền 1.700.000đ đưa hết cho T6 (P).

Sau khi bị mất chiếc xe máy điện, anh T1 đã truy tìm và đến nhà anh Tuấn A chuộc chiếc xe máy điện với giá 2.300.000 đồng. Qua mô tả của anh Tuấn A, anh T1 xác định người trộm cắp là Đặng Văn T nên đã gặp Đặng Văn T nói chuyện, T đã thừa nhận việc lấy trộm xe máy điện của anh T1, sau đó đến ngày 21/ 01/ 2019 Đặng Văn T đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện P đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Chiếc xe máy điện màu xanh, BKS: MĐ4 - 001.80; SK: E1000W308907; SM: EHPEFA308907 (cũ đã qua sử dụng); giá trị còn lại là: 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đặng Văn T còn khai nhận trước đó một mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tại thôn C, xã N cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 11/2018, Đặng Văn T một mình vào xưởng mộc nhà anh Vũ Ngọc T2, sinh 1993 ở thôn C, xã N, P, TP Hà Nội trộm cắp 01 máy bào, 01 máy ren, 01 máy khoan, 01 máy trà đều là dạng máy nhỏ cầm tay. Sau đó, T bán số tài sản trộm cắp này được 1.500.000 đồng và đã ăn tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/03/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 máy bào loại nhỏ cầm tay đã cũ, giá trị 900.000 đồng; 01 máy trà loại nhỏ cầm tay đã cũ, giá trị 500.000 đồng; 01 ren loại nhỏ cầm tay cũ, giá trị 500.000 đồng; 01 máy khoan loại nhỏ cũ, giá trị 250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh T2 là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm lăm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 12/2018, Đặng Văn T nhảy qua tường vào nhà ông Vũ Văn T3, sinh năm 1971 ở thôn C, xã N, P, Thành phố Hà Nội trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và số tiền 2.500.000 đồng của ông T3 để trong ví da. Số tiền trộm cắp được T đã tiêu sài hết còn chiêc điện thoại di động T giữ lại sử dụng nhưng đã làm mất.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/03/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Chiếc điện thoại Nokia đen trắng cũ giá trị 500.000 đồng.

Tổng tài sản Đặng Văn T trộm cắp của ông Tích là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Vụ thứ ba: Vào ngày 07 tháng 01 năm 2019, Đặng Văn T đột nhập vào nhà ông Vũ Văn T1 ở thôn C, xã N, P rồi vào phòng ngủ của anh Vũ Quốc T4, sinh năm 1992 (Con trai ông T1) lấy trộm của anh T4 02 chiếc nhẫn vàng loại 0.5 chỉ/nhẫn đựng trong hộp nhựa hình trái tim màu đỏ và 01 con lợn đất để ở tủ bàn trang điểm. Sau đó, T lên tầng 3 đập con lợn đất lấy toàn bộ số tiền bên trong 7.000.000 đồng. 02 chiếc nhẫn vàng T mang bán được được 3.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp và bán vàng T đã tiêu sài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/03/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 02 chiếc nhẫn vàng loại 0.5 chỉ có giá là 3.600.000 đồng; 01 con lợn đất diện (20x30)cm có giá 50.000 đồng.

Tổng số tài sản T trộm cắp của anh T4 là 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng) và làm vỡ 01 con lợn đất trị giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa đều thừa nhận bị cáo lợi dụng sơ hở của các bị hại trong quản lý tài sản đã thực hiện hành vi 04 vụ trộm cắp tài sản để có tiền ăn tiêu như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; việc VKSND huyện P truy tố bị cáo ra trước Tòa để xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, song đề nghị HĐXX xem xét bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn có thái độ ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo là người dân tộc tiểu số và có hoàn cảnh gia đình khó khăn...mà xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2019; về trách nhiệm dân sự do phía các bị hại không yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đồng thời buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa đều thừa nhận Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên... trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dụng vụ án:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung kết luận của cơ quan điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của những người làm chứng và của chính bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ như: Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản thu giữ vật chứng, Biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự...có đủ căn cứ để khẳng định: Bằng thủ đoạn lợi dụng đêm tối và sơ hở trong quả lý tài sản của các bị hại, Đặng Văn T đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thôn C, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội để có tiền tiêu sài cá nhân, trong đó:

Vụ thứ nhất: Tháng 11/2018, Đặng Văn T vào xưởng mộc của anh Vũ Ngọc T2 trộm cắp của anh T2 01 máy bào loại nhỏ cầm tay trị giá 900.000 đồng, 01 máy trà loại nhỏ cầm tay giá trị 500.000 đồng, 01 ren loại nhỏ cầm tay trị giá 500.000 đồng, 01 máy khoan loại nhỏ trị giá 250.000 đồng.

Vụ thứ hai: Tháng 12/2018, Đặng Văn T nhảy qua tường rào vào nhà ông Vũ Văn T3 trộm cắp của ông T3 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trị giá 500.000 đồng và số tiền mặt 2.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 07/01/2019, Đặng Văn T đột nhập vào nhà ông Vũ Văn T1 rồi vào phòng ngủ của anh Vũ Quốc T4 (Con trai ông T1) trộm cắp của anh T4 02 chiếc nhẫn vàng loại 0.5 chỉ/nhẫn trị giá 3.600.000 đồng và số tiền mặt 7.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Đêm ngày 16/01/2019, Đặng Văn T trộm cắp chiếc xe máy điện màu xanh BKS: 29 MD4 - 00180 trị giá 4.000.000 đồng của ông Vũ Văn T1 để tại sân nhà.

Tổng số tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của các bị hại trong 04 vụ trộm cắp là 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Với các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Đặng Văn T ra trước Tòa để xét xử về tội Trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, tội danh và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã không chỉ trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ

mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây mối hoang mang nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư …Vì vậy cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự với một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Do bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản nên cần thiết áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo nhận thức rõ sai phạm của mình mà tu dưỡng để trở thành công dân có ích về sau, cũng là để làm gương cho người khác.

Khi lượng hình, cân nhắc đến việc bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt...là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo để chứng tỏ chính sách nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền là hợp lẽ.

Đối với đối tượng tên là T6 (P) theo lời khai của bị cáo là người cùng bị cáo trộm cắp chiếc xe máy điện của ông Vũ Văn T1, Cơ quan điều tra xác định được là Phùng Văn T6, sinh năm 1995 ở thôn V M, xã N,huyện P, TP Hà Nội, quá trình điều tra Phùng Văn T6 không thừa nhận tham gia cùng bị cáo trộm cắp chiếc xe máy điện, sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sẽ xử lý sau, vì vậy chưa xét trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Tuấn A là người có hành vi cầm cố chiếc xe máy điện do bị cáo trộm cắp, quá trình điều tra làm rõ được Nguyễn Tuấn A không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với Nguyễn Tuấn A về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

Quá trình điều tra bị cáo khai bán chiếc máy bào, máy ren, máy khoan, máy trà trộm cắp được của anh Vũ Ngọc T2 cho cửa hàng của anh Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1981 ở phố G, thôn X, xã V2, huyện T5, Thành phố Hà Nội; 02 chiếc nhẫn vàng trộm cắp được của anh Vũ Quốc T4 bán cho cửa hàng vàng bạc của bà Đào Thị H3, sinh năm 1954 ở thôn K, M2, huyện T5. Song, ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định anh H2, bà H3 mua các tài sản trộm cắp trên của bị cáo nên cơ quan điều tra, viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Do phía các bị hại ông Vũ Văn T1, anh Vũ Ngọc T2, ông Vũ Văn T3, anh Vũ Quốc T4 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn A đều không có yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra trong vụ án này.

Ngoài hình phạt, bị cáo còn phải chịu khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử:

Phạt bị cáo Đặng Văn T 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2019 (Có Quyết định tạm giam kèm theo).

3. Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Trung tâm Lý lịch tư pháp TW - Bộ Tư pháp;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Anh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**